TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02A/2022/DS-PT
Ngày: 05/01/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh.
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;
Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thư ký phiên toà: Bà Giáp Thị Loan - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLPT-DS ngày 22/10/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 20/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2021/QĐ-PT ngày 30/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2021/QĐ-PT ngày 20/12/2021 giữa:

Nguyên đơn: ông Dương Văn Đ, sinh năm 1955 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: 1. Anh Vũ Văn L, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)
2. Chị Thân Thị L, sinh năm 1968 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Bản T, xã TT, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Đoàn Thị Ph, sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
2. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Anh H ủy quyền cho chị Vũ Thị D, sinh năm 1973
Nơi ĐKHKTT: Bản M, xã TT, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở hiện nay: Bản T, xã TT, huyện Y , tỉnh Bắc Giang.

4. Cháu Vũ Trọng Ngh, sinh ngày 15/9/2003 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Chị Thân Thị L, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Bản T, xã TT, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong qua strình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Dương Văn Đ trình bày:

Gia đình ông làm nghề buôn bán thức ăn chăn nuôi nên ông có bán cám cho anh L, chị L mua về để chăn nuôi lợn, gà. Thời điểm mua bán từ năm 2016 đến tháng 4/2019, khi mua bán hai bên thỏa thuận hết lứa chăn nuôi thì thanh toán tiền mua bán cám. Đến ngày 21/4/2019 thì ông và anh L, chị L không mua bán cám nữa. Ngày 12/02/2020 hai bên chốt nợ, vợ chồng anh L, chị L còn nợ gia đình ông số tiền 430.983.000 đồng. Ông đã yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng anh L, chị L đến nay không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị L phải trả vợ chồng ông số tiền gốc là 430.983.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 12/02/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Thân Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên gia đình chị có mua cám của gia đình ông Đ, bà Ph về để chăn nuôi lợn, phát triển kinh tế gia đình. Thời điểm mua bán từ năm 2016 đến tháng 4/2019, khi mua bán hai bên thỏa thuận hết lứa chăn nuôi thì thanh toán tiền mua bán cám. Do chăn nuôi thua lỗ nên gia đình chị không chăn nuôi nữa, đến ngày 21/4/2019 thì hai bên dừng việc mua bán cám. Ngày 12/02/2020 hai bên chốt nợ, vợ chồng chị còn nợ ông Đ, bà Ph số tiền 430.983.000 đồng.

Nay ông Đ, bà Ph yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền gốc là 430.983.000 đồng và tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 12/02/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ, thì quan điểm của chị như sau: anh L chồng chị không liên quan đến việc mua bán cám giữa chị và vợ chồng ông Đ nên chị đồng ý một mình chị trả toàn bộ số nợ gốc trên và không Đ ý trả tiền lãi, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị khó khăn, không có khả năng trả lãi nên chị xin trả gốc dần.

Tại biên bản lấy lời khai khai, anh Vũ Văn L trình bày:

Anh là chồng của chị Thân Thị L. Anh và gia đình ông Đ không có mối quan hệ quen biết gì. Gia đình anh có mua cám của gia đình ông Đ, bà Ph để chăn nuôi lợn, gà từ khoảng năm 2016 đến năm 2019. Trong suốt thời gian mua bán cám với gia đình ông Đ thì vợ chồng anh vẫn chung sống hạnh phúc, cùng chăm lo mọi mặt cho gia đình. Tuy nhiên, do bản thân anh bị bệnh thoái hóa khớp nặng, đã thay hai khớp vùng chỏm đùi, việc đi lại rất khó khăn nên anh không trực tiếp chăn nuôi được, mọi việc thỏa thuận mua bán cám giữa gia đình anh và gia đình ông Đ là do chị L trực tiếp thỏa thuận. Anh không biết gia đình anh mua bao nhiêu cám và nợ bao nhiêu tiền. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền gốc là 430.983.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) thì anh đồng ý với quan điểm của chị Thân Thị L, không sửa đổi, bổ sung gì.

Tại bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Ph trình bày:

Bà là vợ của ông Dương Văn Đ. Bà đồng ý với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của ông Dương Văn Đ, không sửa đổi, bổ sung gì.

Tại bản tự khai, anh Vũ Trọng Ngh trình bày:

Anh là con của ông Vũ Văn L và bà Thân Thị L. Do còn nhỏ, đang đi học nên vẫn sống phụ thuộc vào gia đình. Việc gia đình anh mua cám của gia đình ông bà Ph Đồng như thế nào và còn nợ bao nhiêu tiền thì anh không được biết, không tham gia. Do đó, anh xác định mình không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án và từ chối tham gia tố tụng. Đối với việc ông Đ đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 02 thửa đất của gia đình anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ngày 11-01-2021, ông Dương Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Ngày 12-01-2021, ông Dương Văn Đ đã nộp số tiền 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng) tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Bắc Giang II để thực hiện biện pháp bảo đảm. Cùng ngày, Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT, thực hiện biện pháp "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 114, diện tích 1917,6 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CL664968, số vào sổ CH 01697 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 7/2-K VII/b, tờ bản đồ LN, diện tích 8016 m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BI 713675, số vào sổ CH 00475, cả hai thửa đất đều có địa chỉ tại: Bản T, xã TT, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ anh Vũ Văn L, chị Thân Thị L.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 02-8-2021, bản tự khai và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, chị Vũ Thị D trình bày:

Vào ngày 04-6-2019, anh Vũ Văn L và chị Thân Thị L có vay của chị số tiền 600.000.000 đồng, hẹn đến ngày 10-6-2019 sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hẹn, chị L và anh L không trả được nợ như thỏa thuận và có đặt vấn đề thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để vay thêm tiền. Ngày 11-6-2019, chị đã cho anh L, chị L vay thêm số tiền 600.000.000 đồng và hai bên đã làm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ 20, diện tích đất thế chấp 1.800 m^2. Đến ngày 13-6-2019 thì hai bên đến Ủy ban nhân dân xã TT làm thủ tục chứng thực Hợp đồng thế chấp trên. Do chủ trương cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nhà nước nên một số thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thay đổi. Ngày 06-01-2021, chị và anh L, chị L đã làm Hợp đồng thế chấp đối với thửa đất 261, tờ bản đồ số 114 xã TT (là thửa đất số 20, tờ bản đồ 20 cũ). Cũng ngày hôm đó, anh L, chị L tiếp tục vay thêm số tiền 80.000.000 đồng nên hai bên đã lập Hợp đồng thế chấp đối với thửa đất lâm nghiệp lô 7/2-K VII/b. Tổng số tiền anh L, chị L đã vay của gia đình chị 03 lần là 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Do số nợ quá lớn, không có khả năng thanh toán nên anh chị có hứa với chị là sau khi ra viện sẽ làm

thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho chị nhưng chưa thực hiện. Nay chị yêu cầu anh L, chị L phải thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại hai thửa đất đã thế chấp nêu trên cho chị như đã cam kết. Chị yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án đã áp dụng vì lí do hai thửa đất trên chị L, anh L đã thế chấp cho chị theo đúng quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 20/8/2020 của Toà án nhân dân huyện Y đã căn cứ:

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, Điều 271; Điều 273; Điều 147, Điều 161; khoản 1 Điều 111; khoản 1 Điều 112, Điều 126 ; Điều 297 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 430; Điều 434; Khoản 3 Điều 440; Điều 297; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 689 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24-9-2020 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ: Buộc anh Vũ Văn L, chị Thân Thị L phải trả ông Dương Văn Đ, bà Đoàn Thị Ph số tiền gốc là 430.983.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 12/02/2020 đến ngày 20/8/2021 là 65.340.900 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 496.323.900 đồng (Bốn trăm chín sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Tiếp tục thực hiện Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBĐ ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y.

2. Về tiền án phí: Ông Dương Văn Đ thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Văn L và chị Thân Thị L phải liên đới chịu 23.852.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2020, chị Thân Thị L nộp đơn kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án số 26/2021/DS-ST ngày 20/8/2021 của TAND huyện Y về nội dung Tòa án buộc bà Thân Thị L và ông Vũ Văn L phải trả ông Dương Văn Đ, bà Đoàn Thị Ph số tiền 430.983.000 đồng. Bà Thân Thị L không Đ ý trả lãi chậm trả và lãi tại giai đoạn thi hành án. Bà Thân Thị L yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/01/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn chị Thân Thị L không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Thân Thị L trình bày: Chị xin rút kháng cáo về nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Bởi vì trong tiền bán cám của ông Đ, bà Ph lãi suất đã cao rồi. Đồng thời chị L đề nghị hủy bảo biện pháp khẩn cấp tạm thời do đã thế chấp tài sản đó cho chị Vũ Thị D.

- Nguyên đơn ông Dương Văn Đ trình bày: Ông không nhất trí với kháng cáo của chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Ph trình bày: Bà không nhất trí với kháng cáo của chị L.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị L: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Thân Thị L nộp trong thời hạn luật định được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn anh Vũ Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Vũ Thị D, anh Nguyễn Văn H, cháu Vũ Trọng Ngh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung, yêu cầu kháng cáo của chị Thân Thị L:

Ông Đ yêu cầu anh Vũ Văn L, chị Thân Thị L trả nợ số tiền gốc 430.983.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng). Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng: Việc ông Đ bán cám cho anh L, chị L từ năm 2016 đến tháng 4-2019 là có thật. Ngày 12-02-2020 hai bên tiến hành chốt nợ, theo đó anh L và chị L còn nợ vợ chồng ông Đ số tiền 430.983.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), ông Đ cung cấp bản gốc các giấy tờ mua bán cám, chị L thừa nhận khoản nợ gốc này nên có căn cứ để xác định việc nợ số tiền cám như trên là có thật.

Về trách nhiệm trả nợ: Cả chị L và anh L đều thừa nhận chị L mua cám để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình, thời gian mua cám cho đến nay vợ chồng chung sống hòa thuận, cùng chăm lo phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc anh L và chị L cùng có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ pháp luật.

Xét về yêu cầu trả lãi: Từ tháng 4/2019 các bên đã không mua bán cám nữa, theo thỏa thuận của các bên thì sau khi hết lứa chăn nuôi (khoảng 3 đến 4 tháng) anh L, chị L phải thanh toán hết số nợ cho ông Đ, bà Ph. Tuy nhiên, tính đến ngày 12/02/2020 anh L, chị L còn nợ lại là 430.983.000 đồng. Như vậy, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Về mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 12/02/2020 như ông Đ yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Đ.

Tiền lãi được tính như sau: 430.983.000 đồng x 01 năm 6 tháng 8 ngày x 10%/năm = 65.340.900 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng).

Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ông Đ và bà Ph yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; chị D, chị L yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh L, chị L có lập các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 20 vào ngày 11-6-2019; 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào ngày 06-01-2021 (đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 114 và thửa đất số 7/2- K VII/b, tờ bản đồ LN). Tuy nhiên, cả 03 Hợp đồng trên đến nay đều chưa được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, chưa được vào sổ địa chính theo quy định tại khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013. Như vậy, các Hợp đồng thế chấp trên chưa có hiệu lực pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 111; khoản 1 Điều 112, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 297 của Bộ luật dân sự; Điều 4 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24-9-2020 yêu cầu của ông Dương Văn Đ về việc tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là có căn cứ để chấp nhận; yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị D, chị L là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chị L không có khiếu nại theo Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy cần tiếp tục thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án khoản nợ tổng cộng cả gốc và lãi là 496.323.900 đồng. Nên cần tiếp tục buộc thực hiện biện pháp bảo đảm tại Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm ngày 12/01/2021 cho đến khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y bị hủy bỏ.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của chị L: Tại phiên tòa phúc thẩm chị L thay đổi kháng cáo, chỉ đề nghị sửa án sơ thẩm. Do chị không hiểu biết nên mới kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy việc thay đổi kháng cáo của chị L là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên không xem xét giải quyết về yêu cầu hủy án, chỉ xem xét nội dung kháng cáo đề nghị sửa án, cụ thể về lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L kháng cáo nhưng không cung cấp được căn cứ, tình tiết mới.

Từ những sự phân tích đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã xử như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Án sơ thẩm nhận định và tuyên tiếp tục thực hiện quyết định khẩn cấp tạm thời nhưng không tuyên rõ mục đích, không tuyên thời hạn kết thúc thực hiện biện pháp đảm bảo. Do vậy, án phúc thẩm cần bổ sung. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của chị Thân Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, Điều 271; Điều 273; Điều 147, Điều 161; khoản 1 Điều 111; khoản 1 Điều 112, Điều 126 ; Điều 297 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 430; Điều 434; Khoản 3 Điều 440; Điều 297; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 689 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24-9-2020 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ: Buộc anh Vũ Văn L, chị Thân Thị L phải trả ông Dương Văn Đ, bà Đoàn Thị Ph số tiền gốc là 430.983.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 12/02/2020 đến ngày 20/8/2021 là 65.340.900 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 496.323.900 đồng (Bốn trăm chín sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y. Để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số nợ anh L, chị L phải trả cho ông Đ, bà Ph.

Tiếp tục thực hiện Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBĐ ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y. Số tiền đảm bảo được trả lại cho ông Đ khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y bị hủy bỏ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn Đ thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Văn L và chị Thân Thị L

phải liên đới chịu 23.852.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Thân Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0004814 ngày 30/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hải Vinh